

PHỤ LỤC 02

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Công văn số /SNV-CCHC ngày /12/2024 của Sở Nội vụ)

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
1	1.1	Thực hiện Kế hoạch CCHC	<p>Thống kê kết quả thực hiện các hoạt động trong kế hoạch. Mức độ hoàn thành kế hoạch tính điểm theo công thức: $(a/b)*0,5$ Trong đó: a là tổng số hoạt động đề ra theo kế hoạch b là số hoạt động đã hoàn thành Nếu tỷ lệ $a/b < 0.9$ thì điểm đánh giá: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch cải cách hành chính - Báo cáo CCHC năm - Biểu thống kê kết quả thực hiện các hoạt động (bảng trích yếu văn bản đã ban hành hoặc số liệu cụ thể) Các tài liệu khác thể hiện được kết quả thực hiện kế hoạch cụ thể (nếu có)
2	1.2	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC	<p>Các báo cáo định kỳ, đột xuất đầy đủ số lượng; đảm bảo thời gian, nội dung, biểu mẫu theo hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Nội vụ. - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung, thời hạn gửi báo cáo thì được 0,5 điểm; - Thực hiện không đủ số lượng, nội dung, không đảm bảo thời hạn gửi báo cáo: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo định: Báo cáo CCHC quý I, 6 tháng, quý III, năm theo Công văn số 1068/UBND-KSTT ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ. - Báo cáo đột xuất theo văn bản của UBND tỉnh, Sở Nội vụ (ví dụ: Báo cáo CCHC quý I phục vụ phiên họp UBND tỉnh; Báo cáo Nghị quyết 08-NQ/TU...) - Kết quả theo dõi báo cáo của Sở Nội vụ
3	1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc huyện được kiểm tra trong năm	<p>Tính tỷ lệ cơ quan, đơn vị được kiểm tra trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc huyện/thành phố. + Từ 20% số cơ quan, đơn vị trở lên: 0,5 điểm + Dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0 điểm</p>	Kế hoạch kiểm tra, Thông báo (biên bản) kiểm tra
4	1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	<p>Vấn đề phát hiện qua kiểm tra là tổng số các tồn tại phát hiện qua kiểm tra của từng cơ quan, đơn vị được kiểm tra Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)* 1,5 +(c/a)*1$ Trong đó: a là tổng số vấn đề phải xử lý b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý hoặc đã kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành Trường hợp $a=0$, thì điểm đánh giá là 1,5 điểm</p>	<p>Thông báo (Biên bản) kiểm tra; Báo cáo khắc phục tồn tại sau kiểm tra của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra Lưu ý: Số vấn đề cần khắc phục là tất cả các tồn tại được chỉ ra và trong báo cáo khắc phục phải thể hiện được kết quả khắc phục của từng tồn tại (có minh chứng cụ thể: văn bản chỉ đạo hoặc số liệu,..)</p>

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
5	1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	Thực hiện tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của đơn vị (từ 5 tin, bài trở lên): 0,5 điểm Tuyên truyền CCHC thông qua một trong các hình thức: Hội nghị, tọa đàm, qua các kênh như: kênh zalo, facebook của cơ quan: 0,5 điểm Tuyên truyền qua Hội thi tuyên truyền CCHC do địa phương tổ chức hoặc tham gia Hội thi tuyên truyền CCHC do cấp trên tổ chức: 0,5 điểm	Báo cáo CCHC năm; các TLKC khác nếu có Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh (lập biểu excel các đường link tin, bài theo từng hình thức tuyên truyền)
6	1.5.1	Có sáng kiến hoặc giải pháp mới lần đầu tiên được áp dụng mang lại lợi ích, hiệu quả thiết thực cho tổ chức và người dân	Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới lần đầu được áp dụng trong CCHC và phải đáp ứng yêu cầu sau: + Được Trung ương, UBND tỉnh cho phép thí điểm; trường hợp sáng kiến hoặc giải pháp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy định pháp luật hiện hành thì vẫn được xem xét, ghi nhận. + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi ngành, cấp tỉnh; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của tỉnh, của ngành. Cách chấm: - Có sáng kiến hoặc giải pháp mới được cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh: 1,5 điểm - Có sáng kiến hoặc giải pháp mới được cấp có thẩm quyền công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở: 1,0 điểm - Không có sáng kiến, giải pháp mới: 0 điểm Lưu ý: Các sáng kiến được cấp cơ sở, UBND tỉnh công nhận nhưng là các sáng kiến áp dụng, cụ thể hóa các quy định tại văn bản của cấp trên không được đánh giá là sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC.	- Quyết định công nhận phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng của sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh (kèm theo Đơn đề nghị công nhận sáng kiến, phạm vi ảnh hưởng và hiệu quả áp dụng sáng kiến). - TLKC khác nếu có.
7	1.5.2.	Tổ chức cuộc họp hoặc hội nghị phân tích, rút kinh nghiệm và ban hành các văn bản chỉ đạo sau Hội nghị phân tích các chỉ số CCHC của tỉnh	Có tổ chức cuộc họp hoặc hội nghị CBCCVC rút kinh nghiệm. Ban hành văn bản triển khai các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về CCHC, các giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành; Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công; nội dung triển khai phải rõ ràng, cụ thể, không chung chung. - Có thực hiện: 1 điểm - Không thực hiện: 0 điểm	- Chương trình/Kế hoạch tổ chức cuộc họp, hội nghị phân tích, đánh giá các Chỉ số (đối với cuộc họp không có chương trình, kế hoạch thì cung cấp biên bản họp hoặc thông báo họp) - Các văn bản triển khai của cơ quan, đơn vị (Công văn, Kế hoạch,...). - Tài liệu kiểm chứng khác minh chứng được kết quả triển khai thực hiện (nếu có).

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
8	1.6	Thực hiện các văn bản, ý kiến chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	<p>Không bắt buộc tự chấm điểm với tiêu chí này. Văn phòng UBND tỉnh căn cứ vào kết quả theo dõi việc hiện các nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị hoặc tài liệu khác có liên quan để chấm điểm.</p> <p>Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a)*1 + (c/a)*0,5$</p> <p>Trong đó: <i>a</i> là tổng số nhiệm vụ được giao <i>b</i> là số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng tiến độ <i>c</i> là số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng muộn so với tiến độ</p>	Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh và các tài liệu khác có liên quan
9	1.7	Đối thoại của lãnh đạo huyện với người dân, doanh nghiệp	<p>Đánh giá trên 3 nội dung và điểm đạt được là tổng điểm của 3 nội dung:</p> <p>1) Có từ 2 cuộc đối thoại/diễn đàn được tổ chức trong năm: 0,5 điểm 2) Ban hành các văn bản chỉ đạo giải quyết những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn: 0,5 điểm 3) Kết quả xử lý các đề xuất, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp được tính điểm theo công thức $(b/a) \times 0,5$.</p> <p>Trong đó: <i>a</i> là tổng số các đề xuất, kiến nghị <i>b</i> là số đề xuất, kiến nghị đã được xử lý Nếu $a = 0$ thì điểm đánh giá là 0,5 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - TLKC về tổ chức các cuộc diễn đàn/đối thoại; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất. - Các văn bản, chỉ đạo về việc xử lý, giải quyết những kiến nghị, đề xuất. - Các tài liệu minh chứng cho kết quả giải quyết, xử lý kiến nghị, đề xuất
10	1.8	Kết quả thực hiện cải cách hành chính trong năm gắn với Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh	<p>Các đơn vị không tự đánh giá nội dung này. Sở Nội vụ sẽ căn cứ vào kết quả chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm chấm điểm và năm trước liền kề năm chấm điểm (ví dụ như chấm điểm năm 2024 thì sẽ căn cứ vào Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2023 và kết quả thẩm định Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2024- tính đến thời điểm thẩm định)</p> <p>Các tài liệu khác có liên quan để chấm điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định công bố Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ (đối với cấp tỉnh); Biểu thẩm định lần Chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ đối với tỉnh Lai Châu '- Kết quả theo dõi của Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan
11	2.1	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; báo cáo đột xuất về rà soát văn bản QPPL và theo dõi thi hành pháp luật	<p>Các báo cáo định kỳ, đột xuất đầy đủ số lượng; đảm bảo thời gian, nội dung, biểu mẫu theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn.</p> <p>Đúng yêu cầu: 0,5 điểm; Thực hiện không đủ số lượng, nội dung, không đảm bảo thời gian: 0 điểm</p>	<p>Các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất thực hiện trong năm đánh giá theo quy định của sở, ban, ngành.</p> <p>Kết quả theo dõi báo cáo của Sở Tư pháp</p>

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
12	2.2.1	Thực hiện đầy đủ hoạt động kiểm tra, điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp	Căn cứ vào kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND tỉnh và tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật đảm bảo thời gian và nội dung. Triển khai các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật theo đúng kế hoạch đã được ban hành, trong đó: - Có thực hiện hoạt động kiểm tra tình hình thi hành pháp luật: 1,0 điểm - Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật: 1,0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> ‘ - Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của UBND cấp huyện - Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật năm của cấp huyện - Kế hoạch hoặc báo cáo kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát hoặc các tài liệu khác chứng minh việc thực hiện hoạt động kiểm tra, điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật
13	2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	Căn cứ vào kết quả của các hoạt động theo dõi thi hành pháp luật, UBND cấp huyện ban hành văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật, trong đó: - Ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 1,0 điểm - Không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc không kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật theo thẩm quyền: 0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> ‘ - Báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật của UBND cấp huyện trong đó có nội dung thể hiện việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật Hoặc: - Báo cáo kết quả kiểm tra, kết quả điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật có thể hiện nội dung xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả kiểm tra, điều tra hoặc Văn bản xử lý hoặc văn bản kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật
14	2.3.1	Thực hiện công bố Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát trong năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện ban hành hết hiệu lực, ngưng hiệu lực trong năm; gửi cấp trên theo dõi - Thực hiện kịp thời, đúng quy định: 0,5 điểm - Không kịp thời hoặc không đúng quy định: 0 điểm	Quyết định công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật
15	2.3.2	Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	Trên cơ sở kết quả rà soát của UBND cấp huyện kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL do mình ban hành hoặc tham mưu trình HĐND cấp huyện ban hành. Tính điểm theo công thức: (b/a) x 1,5 Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt 1,5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát năm của UBND cấp huyện, trong đó có nội dung thể hiện kết quả xử lý văn bản sau rà soát - Các văn bản chứng minh kết quả rà soát đã được xử lý (nghị quyết được thông qua, quyết định được ban hành...)

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
16	2.4	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	<p>Trên cơ sở kết luận hoặc thông báo kết quả kiểm tra của cấp có thẩm quyền đã chỉ ra, UBND cấp huyện kịp thời xử lý hoặc tham mưu xử lý văn bản trái pháp luật do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành</p> <p>Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 1$</p> <p>Trong đó: a là tổng số văn bản cần phải xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp $a = 0$ thì đạt 1 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết luận hoặc thông báo kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền - Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần phải xử lý, - Danh mục văn bản đã hoàn thành việc xử lý, - Danh mục văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành sau khi có thông báo hoặc Kết luận kiểm tra văn bản của các cơ quan có thẩm quyền <p><i>Lưu ý: Đối với trường hợp đã xử lý nhưng chưa hoàn thành cần giải trình rõ lý do chưa hoàn thành việc xử lý</i></p>
17	3.1	Báo cáo về hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	<p>Các báo cáo đầy đủ số lượng; đảm bảo thời gian, nội dung, biểu mẫu theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền: 0,5 điểm;</p> <p>Thực hiện không đủ số lượng, không đúng thời gian, nội dung quy định: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất thực hiện trong năm đánh giá theo quy định của sở, ban, ngành. - Kết quả theo dõi báo cáo của Văn phòng UBND tỉnh
18	3.2	Kiến nghị, sáng kiến đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Có các kiến nghị thủ tục hành chính, kiến nghị cụ thể sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC trong năm đánh giá: 1,5 điểm - Chỉ có kiến nghị cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: 1,0 điểm - Không có kiến nghị, sáng kiến đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính, thời gian giải quyết TTHC: 0 điểm <p><i>Lưu ý: Các phương án đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính phải cụ thể, chi tiết và kiến nghị sửa đổi, bổ sung VBQPPL quy định TTHC trong năm đánh giá</i></p>	<p>Các Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa TTHC và thời gian thực hiện phải đảm bảo theo Kế hoạch rà soát TTHC trọng tâm hàng năm của UBND tỉnh.</p>
19	3.3	Niềm yết, công khai thủ tục hành chính và các quy định có liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện công khai TTHC trên Trang thông tin của UBND cấp huyện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: 0,5 điểm - Niềm yết, công khai không chính xác, không đầy đủ, không kịp thời và chưa đúng quy định: 0 điểm 	<p>Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Kết quả thanh tra, kiểm tra; phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh</p>

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
20	3.4	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	Hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định và được đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt: - Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia tính theo công thức: $\frac{[(\text{Tỷ lệ \% hồ sơ đồng bộ trên Cổng DVC quốc gia}) \times 1,5]}{100\%}$ - Dưới 90% hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia: 0 điểm	Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên cổng DVCQG tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
21	3.5.1	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND huyện/thành phố	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn: - Từ 98% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{[(\text{Tỷ lệ \% hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn}) \times 1,5]}{100\%}$ - Dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn: 0 điểm	Tỷ lệ % hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
22	3.5.2	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của UBND cấp xã	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết trước và đúng hạn: - Từ 98% - 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn}) \times 1,5] / 100\%$ - Dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết trước và đúng hạn: 0 điểm	Tỷ lệ % hồ sơ TTHC giải quyết trước và đúng hạn tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
23	3.5.3	Thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ TTHC trễ hạn và công khai văn bản xin lỗi lên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	Văn bản xin lỗi phải được gửi đến công dân và công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh chậm nhất 01 ngày trước ngày hết hạn theo quy định. - Thực hiện xin lỗi đầy đủ, đúng quy định (hoặc không có hồ sơ trễ hạn phải xin lỗi): 1,0 điểm - Thực hiện xin lỗi không đầy đủ, đúng quy định: 0 điểm	Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh tại địa chỉ https://dichvucong.laichau.gov.vn

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
24	3.5.4	Chất lượng giải quyết TTHC	<p>‘- Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị theo quy định (không yêu cầu thêm thành phần hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định, giải quyết TTHC đảm bảo theo quy định; việc tạm dừng, trả lại hồ sơ, yêu cầu bổ sung hồ sơ theo đúng quy định; không có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân): 1,0 điểm</p> <p>- Giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của đơn vị chưa đảm bảo theo đúng quy định (có yêu cầu thêm thành phần hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định, giải quyết TTHC chưa đảm bảo quy trình, trình tự theo quy định; việc tạm dừng, trả lại hồ sơ, yêu cầu bổ sung hồ sơ không có văn bản nêu rõ lý do theo quy định; có phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân,...): 0</p>	Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Kết quả thanh tra, kiểm tra; phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh
25	3.6	Kết quả thực hiện Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công	<p>Đạt từ 95 điểm trở lên: 1,5 điểm</p> <p>Đạt từ 85 đến dưới 95 điểm: 1,0 điểm</p> <p>Đạt từ 75 đến dưới 85 điểm: 0,5 điểm</p> <p>Đạt dưới 75 điểm: 0 điểm</p>	Kết quả đánh giá tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
26	3.7	Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương	<p>- PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý tính theo công thức: $\frac{[(\text{Tỷ lệ \% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý}) \times 0,5]}{100\%}$</p> <p>- Trường hợp trong năm đánh giá không có PAKN: 0,5 điểm</p>	Xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
27	3.8.1	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả điện tử giải quyết TTHC	<p>Kết quả điện phải được ký số và gửi tới tài khoản của Công dân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh,</p> <p>'- Đạt tỷ lệ 100% cấp kết quả điện tử giải quyết TTHC: 1,5 điểm</p> <p>- Từ 80% đến dưới 100% trả kết quả điện tử giải quyết TTHC: 1,0 điểm</p> <p>- Dưới 80% trả kết quả điện tử giải quyết TTHC: 0 điểm</p>	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính có cấp kết quả điện tử giải quyết TTHC tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
28	3.8.2	Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ phải được scan gửi trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; ký số lưu Kho dữ liệu cá nhân đối với thành phần hồ sơ có giá trị tái sử dụng đạt: - 100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận và thực hiện số hóa: 1,5 điểm - Từ 90% đến dưới 100% hồ sơ TTHC được tiếp nhận và thực hiện số hóa: 0,5 điểm - Dưới 90% hồ sơ TTHC được tiếp nhận và thực hiện số hóa: 0 điểm	Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
29	3.8.3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	<i>Tính theo công thức:</i> $\frac{[(\text{Tỷ lệ \% khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa}) \times 1]}{100\%}$	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
30	3.9	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	- Đạt tối thiểu mục tiêu Chính phủ giao hàng năm trở lên tính theo công thức: $\frac{[\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ được xử lý} \times 2,0]}{100\%}$ - Không đạt mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao: 0 điểm	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
31	3.10	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Đạt tối thiểu mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao trở lên tính theo công thức: $\frac{[\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ được xử lý} \times 2,0]}{100\%}$ - Không đạt mục tiêu hàng năm được Chính phủ giao: 0 điểm	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công (tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-index-tinhthanhpho-tonghop.html); kết quả đánh giá do Văn phòng UBND tỉnh theo dõi
32	4.1.1	Tham mưu sắp xếp tổ chức bộ máy thuộc UBND cấp huyện theo kế hoạch của UBND tỉnh hoặc các quy định của bộ, ngành, trung ương	Thời hạn hoàn thiện văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện chậm nhất là 01 tháng kể từ ngày quy định mới của Trung ương về tổ chức bộ máy có hiệu lực thi hành hoặc văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Các địa phương thường xuyên rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm	- Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18, 19 (6 tháng, năm) của UBND cấp huyện. - Báo cáo CCHC năm của UBND cấp huyện hoặc Báo cáo chuyên đề đánh giá về rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp)

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
33	4.1.2	Tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện theo quy định của bộ, ngành trung ương, của tỉnh (hoặc khi có sự thay đổi)	<p>Các địa phương tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện (khi có sự thay đổi) gửi Sở Nội vụ trong thời gian 01 tháng kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kịp thời, đúng quy định: 1,0 điểm - Không kịp thời: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC hằng năm của cơ quan. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan và các văn bản khác của cơ quan, đơn vị thể hiện việc tuân thủ các quy định của Chính phủ, của bộ, của tỉnh về việc tham mưu ban hành chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
34	4.1.3	Ban hành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị	<ul style="list-style-type: none"> - 100% phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc huyện/thành phố ban hành quy chế làm việc (cập nhật khi có sự thay đổi): 1 điểm - Dưới 100% phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc huyện/thành phố ban hành quy chế làm việc (cập nhật khi có sự thay đổi): 0 điểm 	Quyết định ban hành quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị
35	4.1.4	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng và bố trí lãnh đạo trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập	<p>Các địa phương thực hiện theo các quy định mới tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và các quyết định của cấp có thẩm quyền. Nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thực hiện đúng quy định và đảm bảo cơ cấu hợp lý: 100% số phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện bố trí đúng quy định. + Đối với các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện sáp nhập, hợp nhất tổ chức bộ máy theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP số lượng cấp phó một số phòng, đơn vị thuộc UBND cấp huyện cao hơn so với quy định; đồng thời có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 3 năm kể từ ngày sáp nhập để đảm bảo số lượng cấp phó theo quy định. - Thực hiện đúng quy định và đảm bảo cơ cấu hợp lý: 1,5 điểm - Thực hiện không đúng quy định và không đảm bảo cơ cấu hợp lý: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số lượng cấp phó các phòng, đơn vị thuộc UBND cấp huyện. - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18, 19 (6 tháng, năm) của UBND cấp huyện. - Báo cáo CCHC năm của UBND cấp huyện hoặc báo cáo thống kê về số lượng cấp phó của các phòng, đơn vị thuộc UBND cấp huyện. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
36	4.1.5	Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021	<p>Các địa phương thống kê tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện trong năm đánh giá. Tính tỷ lệ % số lượng đơn vị sự nghiệp công lập giảm trong năm đánh giá so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập giảm đạt từ 10% trở lên đánh giá 01 điểm. - Nếu đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{[(\text{Tỷ lệ \% giảm ĐVSN} \times 1,0)]}{10\%}$ <p>Trường hợp vượt chỉ tiêu giai đoạn 2015 - 2021 sẽ được tính lũy kế.</p>	<p>Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18, 19 (6 tháng, năm) của UBND cấp huyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo cải cách hành chính hoặc báo thống kê số liệu đơn vị sự nghiệp hoặc báo cáo sắp xếp tổ chức bộ máy. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ (do Sở Nội vụ cung cấp).
37	4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	<p>Thống kê tổng số biên chế hành chính được giao trong năm, tổng số công chức có mặt thực tế của địa phương trong năm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tổng số công chức có mặt của địa phương đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
38	4.2.2	Thực hiện quy định về sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập	<p>Thực hiện thống kê tổng số số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp của địa phương được giao trong năm, tổng số số lượng người làm việc có mặt thực tế của địa phương trong năm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng không vượt quá số lượng người làm việc được giao đánh giá 0,5 điểm - Sử dụng vượt quá số lượng người làm việc được giao đánh giá 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc báo cáo tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
39	4.3.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ và các bộ, ngành ban hành	<ul style="list-style-type: none"> - Các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định phân cấp của Trung ương và các quy định phân cấp của UBND tỉnh theo ngành, lĩnh vực. - Nếu thực hiện đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0,5 điểm. - Không thực hiện đầy đủ hoặc không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm hoặc báo cáo kết quả kiểm tra đánh giá về tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước hoặc báo cáo tình hình thực hiện phân cấp quản lý nhà nước. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
40	4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Địa phương thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo quy định đánh giá 0,5 điểm - Địa phương không thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã đánh giá 0 điểm 	Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các nội dung đã phân cấp.
41	4.3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	<p>Địa phương tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu tỷ lệ này đạt 100% số vấn đề phát hiện qua kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá 1 điểm. - Nếu tỷ lệ này đạt dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra; - Các văn bản chứng minh xử lý các vấn đề phát hiện; - TLKC khác nếu có.
42	4.4	Báo cáo định kỳ về tổ chức bộ máy, biên chế, phân cấp quản lý	<p>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0,5 điểm</p> <p>Không thực hiện đầy đủ: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 18, 19 (6 tháng, năm) - Báo cáo tình hình sử dụng biên chế. - Báo cáo liên quan đến nội dung phân cấp.
43	5.1.1	Cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	<p>Địa phương kịp thời cập nhật, hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý đúng quy định (gửi Sở Nội vụ trong thời gian 1 tháng kể từ khi văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực hoặc khi có sự thay đổi, điều chỉnh vị trí việc làm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầy đủ, kịp thời: 0,5 điểm - Chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị phê duyệt hoặc sửa đổi bổ sung, đề án vị trí việc làm (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ
44	5.1.2	Tỷ lệ công chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>Địa phương bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí; kịp thời tham mưu sửa đổi bổ sung bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm. Tính tỷ lệ % số công chức thực hiện đúng quy định trên so với tổng số công chức nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 60% đến 100% công chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt thì tính theo công thức $\frac{[\text{Tỷ lệ \% công chức được bố trí theo VTVL} \times 1]}{100\%}$ - Dưới 60% công chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc Báo cáo rà soát vị trí việc làm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
45	5.1.3	Tỷ lệ viên chức được bố trí theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>Đơn vị phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt. Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. Tính tỷ lệ % số viên chức thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số viên chức nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 60% đến 100% viên chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt thì tính theo công thức: $\frac{\text{Tỷ lệ \% viên chức được bố trí theo VTVL} \times 0.5}{100\%}$</p> <p>- Dưới 60% viên chức được bố trí theo vị trí việc làm được phê duyệt đánh giá 0 điểm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của cơ quan hoặc Báo cáo rà soát vị trí việc làm - Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Sở Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm khi cần thiết).
46	5.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức (theo phân cấp quản lý)	<p>Việc tuyển dụng viên chức thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, thủ tục, phù hợp vị trí việc làm, không vượt biên chế được giao và đảm bảo theo quy định tại Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ. Thực hiện đảm bảo theo quy định được đánh giá 01 điểm; Thực hiện chưa đảm bảo theo quy định được đánh giá 0 điểm</p> <p><i>(Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập thuộc CQCM cấp tỉnh sử dụng hết số lượng người làm việc được giao, không tổ chức tuyển dụng đánh giá 1 điểm).</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (Kế hoạch tuyển dụng, thông báo tuyển dụng, quyết định thành lập hội đồng, Quyết định thành lập Ban Giám sát, Danh sách thí sinh dự tuyển, phê duyệt kết quả tuyển dụng,...) - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. - Quyết định giao số lượng người làm việc và số lượng người có mặt.
47	5.3	Thực hiện quy định về thăng hạng viên chức (theo phân cấp quản lý)	<p>Thực hiện đúng quy định tổ chức xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ xét thăng hạng (Đề án, thông báo, thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả...) hoặc báo cáo thống kê, tổng hợp của tỉnh về tình hình tổ chức triển khai và kết quả xét thăng hạng. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
48	5.4	Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo phòng; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện	<p>Địa phương thực hiện việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành; quy định của tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND huyện được bổ nhiệm đúng quy định: 1 điểm. - Không đúng quy định: 0 điểm <p>(Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định bổ nhiệm. - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm. - Thống kê danh sách lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND huyện được bổ nhiệm trong năm (Họ tên; ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo; lý luận chính trị; QLNN; tin học; ngoại ngữ; bồi dưỡng năng lực, kỹ năng lãnh đạo; chức vụ được bổ nhiệm, thời điểm bổ nhiệm). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ. - Kết quả thanh, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền.
49	5.5.1	Kết quả đánh giá, xếp loại công chức, viên chức, người lao động của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	<p>Địa phương thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và quy định của tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có công chức, viên chức, người lao động đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ: 1 điểm. - Có công chức, viên chức, người lao động được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ đánh giá 0 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ.
50	5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Trong năm không có lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật mức khiển trách trở lên: 1 điểm. - Trong năm không có lãnh đạo cấp phòng và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1 điểm. - Trong năm không có công chức, viên chức bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của UBND cấp huyện hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm. - Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của UBND cấp huyện. - Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền.
51	5.6.1	Mức độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong năm được UBND tỉnh phê duyệt	<p>Địa phương tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch của UBND cấp huyện và UBND tỉnh phê duyệt. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 85% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\frac{[\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1]}{100\%}$ - Dưới 85% thì đánh giá 0 điểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của UBND cấp huyện; - Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
	5.6.2	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng	Thực hiện đảm bảo về nội dung, thời gian theo quy định: 0,5 điểm Thực hiện không đảm bảo nội dung, thời gian gửi báo cáo: 0 điểm	Báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Sở Nội vụ
53	6.1	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước đối với cơ quan quản lý nhà nước	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước theo quy định - Không có sai phạm về sử dụng kinh phí được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá: 1,5 điểm - Có sai phạm về sử dụng kinh phí được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá: 0 điểm	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại các đơn vị. - Tổng hợp các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có thẩm quyền của năm đánh giá theo Mẫu biểu 06 (nếu có) - Kết quả theo dõi công tác thanh tra kiểm tra của Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh và thanh tra các ngành...(nếu có)
54	6.2.1	Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ ngân sách nhà nước đối với đơn vị sự nghiệp công lập	- Không có sai phạm về sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước tại các cơ quan, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá: 1,0 điểm - Có sai phạm về sử dụng kinh phí tại các đơn vị SNCL được các cơ quan có thẩm quyền chỉ ra trong năm đánh giá: 0 điểm	- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí tại các đơn vị sự nghiệp công lập. - Tổng hợp các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán có thẩm quyền của năm đánh giá theo Mẫu biểu 06 (nếu có) - Kết quả theo dõi công tác thanh tra, kiểm tra của Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh và thanh tra các ngành ... (nếu có)
55	6.2.2	Tăng mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập	Thực hiện cơ chế tự chủ, của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan - Có thêm đơn vị tự đảm bảo từ 70% đến dưới 100% chi thường xuyên: 1,5 điểm - Có thêm đơn vị tự đảm bảo từ 30% đến dưới 70% chi thường xuyên: 1 điểm - Có thêm đơn vị tự đảm bảo từ 10% đến dưới 30% chi thường xuyên: 0,5 điểm <i>Ghi chú: Trong trường hợp tăng mức tự chủ ở nhiều mức khác nhau thì tính điểm ở mức cao nhất</i>	- Các quyết định giao đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên, mức đảm bảo tự chủ tài chính (không tính giao lại) - So sánh kết quả theo dõi mức độ tự chủ của Sở Tài chính, Sở Nội vụ (do thành viên hội đồng chấm điểm tự so sánh)

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
56	6.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (Gồm: Cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập)	<p>Thông kê số tiền phải nộp ngân sách nhà nước của những kết luận chưa thực hiện xong (Theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền chi ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán từ ngày 31/12 năm đánh giá trở về trước). Tính điểm theo công thức: $(b/a) * 2$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN; b là số tiền đã nộp NSNN</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp các kết luận chưa thực hiện xong của thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền theo Mẫu biểu 07 - Báo cáo thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước. - Kết quả theo dõi đánh giá thực hiện các kết luận của Sở Tài chính, Thanh tra và các tài liệu khác có liên quan (Do thành viên chấm điểm CCHC của Hội đồng tự xem xét) <p><i>Lưu ý: Đính chứng từ nộp tiền làm tài liệu kiểm chứng vào phần mềm phải đính theo thứ tự tại bảng tổng hợp theo Mẫu biểu 07 để phục vụ kiểm tra đối chiếu</i></p>
57	6.4	Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công NSNN hàng năm theo quy định (<i>bao gồm cả kế hoạch vốn giao trong năm hiện hành và kế hoạch vốn kéo dài tiếp tục thực hiện thanh toán năm trước chuyển sang</i>) - Tính điểm theo công thức $(b/a) * 1,5$ Trong đó: a là tổng số tiền phải giải ngân theo kế hoạch; b là số tiền đã giải ngân) <p>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,7$ thì điểm đánh giá: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm theo Mẫu biểu 08 và báo cáo 13 tháng theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có).
58	6.5	Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc thẩm quyền quản lý	<p>Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và các văn bản khác có liên quan.</p> <p>Tính tỷ lệ % số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Từ 80% số cơ sở nhà đất trở lên được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp xử lý: 1,5 điểm Dưới 80% số cơ sở nhà đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp xử lý: 0 điểm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp số liệu cơ sở nhà đất phải sắp xếp theo Mẫu biểu 09 - Các quyết định phê duyệt phương án sắp xếp lại xử lý nhà đất kèm theo. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) <p><i>Lưu ý: Đính tài liệu kiểm chứng vào phần mềm phải đính theo thứ tự tại bảng tổng hợp theo Mẫu biểu 09 để phục vụ kiểm tra đối chiếu</i></p>

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
59	6.6	Thực hiện báo cáo kết quả tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định; các báo cáo theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tự chủ, hoạt động của đơn vị sự nghiệp...	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ số lượng; đảm bảo thời gian, nội dung, biểu mẫu theo quy định hiện hành và yêu cầu của các cơ quan chuyên môn: 0,5 điểm - Không đủ số lượng; không đảm bảo thời gian, nội dung, biểu mẫu theo quy định hiện hành và yêu cầu của các cơ quan chuyên môn: 0 điểm 	Báo cáo kết quả tự chủ, tự chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý cấp trên theo quy định; Các báo cáo khác phát sinh trong năm theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền ... <i>Lưu ý: Thời gian báo cáo là thời gian nhận được báo cáo trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh Lai Châu. Không tính thời gian ghi trên báo cáo (Lấy báo báo tự chủ của cơ quan cấp trên, không lấy báo cáo của đơn vị trực thuộc)</i>
60	7.1.1	Ban hành và thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số	<p>Ban hành kế hoạch theo đúng nội dung, thời gian yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0,5 điểm</p> <p>Kế hoạch ban hành không đảm bảo nội dung, thời gian theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0 điểm</p>	Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm theo Hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông
61	7.1.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch Chuyển đổi số	<p>Hoàn thành từ 90% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1}{100\%} \right]$ <p>Hoàn thành dưới 90% kế hoạch: 0 điểm</p>	Kế hoạch Chuyển đổi số hàng năm theo Hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông
62	7.1.3	Bổ trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế.	<ul style="list-style-type: none"> - Đã bổ trí tối thiểu 01 biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế: 0,5 điểm - Chưa bổ trí biên chế chuyên trách công nghệ thông tin nằm trong tổng biên chế: 0 điểm 	Các tài liệu chứng minh biên chế chuyên trách CNTT như: Bằng CNTT, Quyết định liên quan đến biên chế, Phân công nhiệm vụ.

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
63	7.2.1	Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử có ký số	<p>- Văn bản điện tử có ký số theo quy định tại Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh gồm:</p> <p>+ Văn bản điện tử sử dụng hai chữ ký số (01 chữ ký số cá nhân, 01 chữ ký số tổ chức) để phát hành văn bản.</p> <p>+ Phát hành văn bản điện tử từ bản giấy: thực hiện sao y từ văn bản giấy sang bản điện tử được thực hiện bằng số hóa văn bản giấy và ký số của cơ quan, tổ chức.</p> <p>Nếu tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt Từ 80% đến 100% thì tính theo công thức: $\frac{[Tỷ\ lệ\ \% \text{ hoàn thành} \times 1,5]}{100\%}$ Dưới 80% số văn bản: 0 điểm</p>	Báo cáo trích xuất trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành
64	7.2.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt	<p>Hệ thống thông tin triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt: Từ 50% đến 100% thì tính theo công thức: $\frac{[Tỷ\ lệ\ \% \text{ hoàn thành} \times 1,5]}{100\%}$ Dưới 50% sử dụng: 0 điểm</p>	Báo cáo Cung cấp số liệu về phát triển chính phủ điện tử, phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số Quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm. Tính trên số hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo vệ theo Hồ sơ đề xuất cấp độ trên tổng số hệ thống thông tin.
65	7.2.3	Tỷ lệ cài phần mềm an toàn thông tin có bản quyền	<p>100% các máy tính của cơ quan được cài phần mềm an toàn thông tin có bản quyền: 1 điểm Không đảm bảo 100% các máy tính của cơ quan được cài phần mềm an toàn thông tin có bản quyền: 0 điểm</p>	Báo cáo Cung cấp số liệu về phát triển chính phủ điện tử, phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số Quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm
66	7.3.1	Cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử	<p>- Trang thông tin của cơ quan công khai thông tin đầy đủ theo Điều 4, Chương II, Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng: 1,0 điểm - Không công khai thông tin đầy đủ theo Điều 4, Chương II, Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về việc Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng: 0 điểm</p>	Kết quả theo dõi, kiểm tra trực tiếp trên Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị do Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện

STT	TC/TCTP	Tên TC/TCTP	Yêu cầu, cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng
67	7.4	Thực hiện chế độ Báo cáo Cung cấp số liệu về phát triển chính phủ điện tử, phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số	- Thực hiện đảm bảo nội dung, thời gian gửi báo cáo theo quy định: 0,5 điểm - Thực hiện không đảm bảo nội dung, thời gian gửi báo cáo: 0 điểm	Báo cáo Cung cấp số liệu về phát triển chính phủ điện tử, phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số Quý I, 6 tháng, 9 tháng, năm
68	8.8	Mức độ phát triển hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể	Số hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể thành lập mới tăng từ 20% trở lên so với năm trước liền kề: 1 điểm Số hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể thành lập mới tăng dưới 20% hoặc bằng so với năm trước liền kề: 0,5 điểm Số hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể thành lập mới thấp hơn so với năm trước liền kề: 0 điểm	'- Danh sách hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể đăng ký thành lập mới trong năm đánh giá và năm trước liền kề của các huyện, thành phố; - Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh hàng năm của UBND các huyện, thành phố
69	8.9	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của UBND các huyện, thành phố theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao	Vượt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao: 1,0 điểm Đạt chỉ tiêu theo kế hoạch được giao 0,5 điểm Không hoàn thành chỉ tiêu được giao: 0 điểm	Báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương hàng năm UBND các huyện, thành phố
70	8.10	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội của UBND các huyện, thành phố được Ủy ban nhân dân tỉnh giao giao	100% chỉ tiêu đạt và vượt: 1,0 điểm Từ 90% - dưới 100% chỉ tiêu đạt và vượt: 0,5 điểm Dưới 90% chỉ tiêu đạt và vượt: 0 điểm	Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh hàng năm của UBND các huyện, thành phố